



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11
Tel: 0433 544 735 Fax: 0433 542 280

=====

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

QUÝ II VÀ LŨY KẾ 30/06/2018

HÀ NỘI THÁNG 7 NĂM 2018

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140)	100		529.369.165.493	461.880.739.077
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	89.362.081.631	144.234.948.699
1	Tiền	111		9.362.081.631	58.234.948.699
2	Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	86.000.000.000
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		658.610.000	550.790.000
1	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	2.222.000.000	2.222.000.000
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(1.563.390.000)	(1.671.210.000)
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		329.640.402.986	259.742.782.221
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	270.294.613.837	214.397.220.985
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	28.224.080.079	19.480.218.096
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		14.795.400.000	13.720.000.000
6	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	30.454.657.802	23.580.716.248
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(14.128.348.732)	(11.435.373.108)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV	Hàng tồn kho	140		102.675.976.895	53.635.069.639
1	Hàng tồn kho	141	V.7	102.675.976.895	53.635.069.639
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		7.032.093.981	3.717.148.518
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	327.894.891	150.015.839
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.668.248.408	3.529.986.447
3	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153		35.950.682	37.146.232
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	155	V.9	-	-
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200	-	361.870.726.745	344.934.200.720
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		5.391.547.793	5.403.047.793
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	5.391.547.793	5.391.547.793

2	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4	Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6	Phải thu dài hạn khác	216		-	11.500.000
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		88.514.084.169	93.572.164.823
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	78.280.147.169	83.338.227.823
	- Nguyên giá	222		185.176.658.579	185.576.963.914
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(106.896.511.410)	(102.238.736.091)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	10.233.937.000	10.233.937.000
	- Nguyên giá	228		10.233.937.000	10.233.937.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		425.454.545	-
1	Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		425.454.545	-
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		266.429.954.720	245.145.644.720
1	Đầu tư vào công ty con	251	V.14	266.429.954.720	245.145.644.720
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	-	-
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	-	-
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5	Đầu tư tài chính đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260		1.109.685.518	813.343.384
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	1.109.685.518	813.343.384
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4	Tài sản dài hạn khác	268	V.18	-	-
5	Lợi thuế thương mại	269		-	-

	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		891.239.892.238	806.814.939.797
TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
C	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		531.224.362.934	442.144.282.510
I	Nợ ngắn hạn	310		466.638.176.082	374.445.218.220
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.20	113.583.058.003	59.481.025.075
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.21	84.639.483.988	102.456.388.353
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.22	5.057.057.847	20.760.668.752
4	Phải trả người lao động	314		8.839.205.610	10.582.945.824
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.23	11.217.634.314	10.949.675.682
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.23	-	-
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		42.500.000	42.500.000
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.24	31.646.326.330	49.089.347.025
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		207.514.627.348	118.358.762.373
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.176.546.426	1.047.970.920
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.921.736.216	1.675.934.216
13	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II	Nợ dài hạn	330		64.586.186.852	67.699.064.290
1	Phải trả dài hạn người bán	331	V.26	7.985.356.815	7.985.356.815
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.27	-	-
4	Phải trả nội bộ dài hạn	334	V.28	-	-
5	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7	Phải trả dài hạn khác	337		500.000.000	500.000.000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		53.703.421.934	56.682.744.784
9	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.397.408.103	2.530.962.691
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		360.015.529.304	364.670.657.287
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.31	360.015.529.304	364.670.657.287
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		115.531.050.000	115.531.050.000
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.531.050.000	115.531.050.000

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ

Quý II & lũy kế năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ II/2018	QUÝ II/2017	LUY KẾ ĐẾN 30/06/2018	LUY KẾ ĐẾN 30/06/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	172.579.061.541	86.136.412.035	234.575.020.686	178.743.642.607
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2				0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		172.579.061.541	86.136.412.035	234.575.020.686	178.743.642.607
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	159.453.986.084	105.212.667.704	201.608.483.992	175.039.172.463
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.125.075.457	-19.076.255.669	32.966.536.694	3.704.470.144
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.012.163.607	3.658.892.911	12.906.740.966	5.925.240.558
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.606.589.445	1.061.145.300	7.011.623.195	8.145.916.710
Trong đó: Chi phí lãi vay			4.376.998.660	3.456.098.875	6.139.128.817	6.009.860.909
8. Chi phí bán hàng	24		0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	12.124.971.363	-3.761.025.440	20.630.627.489	11.352.457.347
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.405.678.256	-12.717.482.618	18.231.026.976	-9.868.663.355
11. Thu nhập khác	31	VI.6	6.732.190.946	44.128.362.815	7.040.085.245	44.128.362.815
12. Chi phí khác	32	VI.7	13.635.291	28.784.537.644	17.884.675	28.813.112.908
13. Lợi nhuận khác	40		6.718.555.655	15.343.825.171	7.022.200.570	15.315.249.907
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.124.233.911	2.626.342.553	25.253.227.546	5.446.586.552
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.30	251.072.827	955.860.198	1.632.512.029	955.860.198
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	VI.21	0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.873.161.084	1.670.482.355	23.620.715.517	4.490.726.354
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11
CỔ PHẦN *
SÔNG ĐÀ 11
HÀ NỘI

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Lê Văn Tuấn

Lưu chuyển tiền tệ
Lũy kế đến 30/06/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế đến 30/06/2018	Lũy kế đến 30/06/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	202.135.129.903	218.848.604.593
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	-291.341.083.107	-77.838.742.009
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	-14.507.817.171	-609.779.155
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-6.139.128.817	-6.009.860.909
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	-11.780.539.165	-8.281.286.829
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	53.825.000	1.122.949.211
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	-1.011.584.938	-152.593.690.172
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	-122.591.198.295	-25.361.805.270
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	-520.580.000	-4.604.653.947
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	227.272.727	637.272.728
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-169.775.400.000	-141.250.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	174.700.000.000	132.050.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-21.284.310.000	-5.375.280.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	5.407.590.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.759.850.452	4.449.697.748
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-3.893.166.821	-8.685.373.471
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	158.549.409.869	186.639.463.308
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-73.652.730.441	-196.605.526.984
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-13.285.181.380	-11.499.624.750
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	71.611.498.048	-21.465.688.426
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	-54.872.867.068	-55.512.867.167
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	144.234.948.699	170.531.208.177
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	1.736.675
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	89.362.081.631	115.020.077.685

Lập biểu

Phạm Thị Dung

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngụ

Trần Văn Ngụ



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và sản xuất điện thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện; Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện; Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500KV; Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT3-Vị trí 24, KĐT Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	Xây dựng công trình điện	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông	Bản Tin Tốc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Số nhà 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang	Sản xuất điện thương phẩm	56,71%	56,71%	56,71%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	138 Tôn Đức Thắng, Phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	65,10%	65,10%	65,10%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei	Làng Đăk Nhoong, xã Đăk Nhoong, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum	Sản xuất điện thương phẩm	80%	80,00%	80,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời (*)	Số nhà 1N7A, đường Nguyễn Thị Thập, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	95%	100%	100%

(*) Theo thỏa thuận, các cổ đông khác của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời cam kết sẽ chuyển nhượng nốt số cổ phần còn lại cho Công ty hoặc cho bên khác do Công ty chỉ định và không tham gia vào việc điều hành hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời. Do đó, Công ty xác định tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời là 100%.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 11.1 thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Hòa Bình	Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.5	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Miền Nam	Lô 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Nhà Máy thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 464 cán bộ nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 788 nhân viên, trong đó lao động thời vụ là 297).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- + Đối với công trình đầu thầu, Công ty xác định được giá thành nội bộ:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{r} \text{Giá vốn hàng bán} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \frac{\text{Giá thành nội bộ}}{\text{Tổng doanh thu}} \times \text{Doanh thu ghi nhận trong kỳ}$$

- + Đối với các công trình khác

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \\ \text{tính trước} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{phụ phí} \\ \text{(nếu có)} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{ước tính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Lãi vay} \\ \text{ước tính} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

Riêng máy móc thiết bị của nhà máy thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp sản lượng.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị công trình hoàn thành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định trong đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.164.905.097	445.770.036
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.197.176.534	57.789.178.663
Các khoản tương đương tiền	80.000.000.000	86.000.000.000
<i>Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>		
Cộng	<u>89.362.081.631</u>	<u>144.234.948.699</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	425.000.000			425.000.000		
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	1.797.000.000	233.610.000	(1.563.390.000)	1.797.000.000	125.790.000	(1.671.210.000)
Cộng	<u>2.222.000.000</u>	<u>233.610.000</u>	<u>(1.563.390.000)</u>	<u>2.222.000.000</u>		<u>(1.671.210.000)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(1.671.210.000)	(1.930.459.635)
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng	107.820.000	
Sử dụng dự phòng		313.159.635
Số cuối năm	<u>(1.563.390.000)</u>	<u>(1.671.210.000)</u>

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long ⁽ⁱ⁾	47.381.773.480		47.381.773.480	
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông ⁽ⁱⁱ⁾	57.250.000.000		57.250.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	35.594.689.000		35.594.689.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoa ^(iv)	66.942.942.240		66.942.942.240	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glei ^(v)	37.757.750.000		20.774.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư điện Mặt Trời ^(vi)	21.502.800.000		17.202.240.000	
Cộng	266.429.954.720		245.145.644.720	

- (i) Trong năm 2013, Công ty hoàn thành sáp nhập Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long và tổ chức lại thành Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long do Công ty Cổ phần Sông Đà 11 làm chủ sở hữu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0106408857 ngày 31 tháng 12 năm 2013. Vốn điều lệ của Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long là 50 tỷ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500378582, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng 56.000.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.600.000 cổ phiếu, tương đương 70% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng.
- (iii) Trong năm 2015 Công ty đã mua 3.548.576 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn với giá mua là 35.594.689.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 3.548.576 cổ phiếu, tương đương 56,71% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn.
- (iv) Trong năm 2015 Công ty đã mua 5.407.590 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ với giá mua là 72.350.532.240 VND. Trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nhận được cổ tức năm 2014 số tiền 5.407.590.000 VND, là cổ tức trước khi khoản đầu tư được mua, được hạch toán giảm giá trị của khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.407.590 cổ phiếu, tương đương 65,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101207604, ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glei do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glei 42.250.000.000 VND, tương đương 65% vốn điều lệ. Theo NQ hội đồng quản trị công ty CP Sông Đà 11 tăng vốn góp lên đến 53.935.000.000 VND tương đương 80% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm 16.983.750.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty đã đầu tư 37.757.750.000 VND tương đương 58,09% vốn điều lệ (số đầu năm là 20.774.000.000 VND, tương đương 31,96% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glei là 14.177.250.000 VND.
- (vi) Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và quyền góp vốn với các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời để sở hữu 57.000.000 cổ phiếu (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty này, trong đó cổ phiếu hiện có là 1.221.000 cổ phiếu và quyền góp vốn tương ứng với 55.779.000 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty đã thanh toán tiền chuyển nhượng 1.086.000 cổ phiếu, tương đương 89% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời.

Giá trị hợp lý

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính là 89.225.004.000 VND. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei và Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm		(5.380.101.575)
Trích lập dự phòng bổ sung		(944.617.160)
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối năm		(6.324.718.735)

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông (To Buông)		
Cho To Buông vay		138.000.000.000
Thu tiền gốc vay	3.700.000.000	132.050.000.000
Trả tiền gốc vay		
Góp vốn điều lệ bằng tiền		
Doanh thu hoạt động xây dựng	-623.195.836	9.029.966.306
Lãi vay To Buông phải trả	260.475.126	1.112.168.945
Bán vật tư cho To Buông		
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 - Thăng Long		
Giao dịch bán hàng		
Doanh thu bán vật tư, thu phí tiếp địa, bảo hiểm	21.535.97.967	1.413.092.633
Doanh thu hoạt động xây dựng	15.054.255.673	
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	146.890.514	99.002.280
Giao dịch mua hàng		
Chi phí xây lắp hoàn thành	56.758.109.335	7.067.320.950
Mua trụ sở của Sông Đà 11 - Thăng Long		
Chi phí mua máy kéo, máy hãm		

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Giao dịch khác</i>		
Cổ tức được chia		
Cho vay	1.125.400.000	
Thu tiền gốc vay		
Lãi vay phải trả	32.326.933	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ (Đắc Đoạ)		
Vay Đắc Đoạ	6.800.000.000	24.778.906.943
Trả tiền vay cho Đắc Đoạ	15.500.000.000	4.000.000.000
Lãi vay phải trả Đắc Đoạ	506.828.955	463.528.335
Nhận cổ tức	10.815.180.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glei		
Góp vốn điều lệ bằng tiền	16.983.750.000	3.225.000.000
Cho Đắc Glei vay		1.000.000.000
Lãi vay phải thu Đắc Glei	26.000.000	
Doanh thu hoạt động xây dựng	66.501.117.628	
Trả nợ vay ngắn hạn	1.000.000.000	
Doanh thu bán vật tư	187.752.668	
Công ty CP Đầu tư Điện Mặt Trời		
Doanh thu bán vật tư	235.159.752	
Cho Điện Mặt Trời vay	4.650.000.000	
Lãi vay phải thu	118.824.374	

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>103.286.090.377</i>	<i>83.514.764.151</i>
Tổng Công ty Sông Đà	54.664.800.653	67.524.678.776
Công ty CP ĐT điện Mặt trời	377.500.101	
Cty TNHH MTV SDà 11 Thăng Long	29.361.010.200	
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	15.506.003.015	15.931.043.309
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glei	3.754.276.509	59.042.066
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>167.008.523.460</i>	<i>130.882.456.834</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1	4.292.458.830	5.792.458.830
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc	15.620.999.898	33.299.579.856
BQL Dự án các Công trình điện Miền Nam	32.892.389.373	12.924.168.413
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	4.236.133.479	29.926.401.434
Công ty Cổ phần Cơ khí Thiết bị điện	2.440.279.094	2.440.279.094

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hà Nội		
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	9.622.165.225	9.622.165.225
Công ty Điện lực Hưng Yên	16.193.369.039	7.979.055.009
Các khách hàng khác	81.710.728.522	28.898.348.973
Cộng	<u>270.294.613.837</u>	<u>214.397.220.985</u>

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>5.391.547.793</i>	<i>5.391.547.793</i>
Tổng Công ty Sông Đà	5.391.547.793	5.391.547.793
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc		
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung		
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đrinh		
Cộng	<u>5.391.547.793</u>	<u>5.391.547.793</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>3.948.436.718</i>	<i>17.156.734.401</i>
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	3.948.436.718	17.156.734.401
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>24.275.643.361</i>	<i>2.323.483.695</i>
Công ty TNHH MTV Hùng Việt Phát Na	1.318.982.700	318.982.700
Các nhà cung cấp khác	22.956.660.661	2.004.500.995
Cộng	<u>28.224.080.079</u>	<u>19.480.218.096</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>14.795.400.000</i>	<i>13.720.000.000</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông ⁽ⁱ⁾	6.920.000.000	10.620.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Gle ⁽ⁱⁱ⁾	-	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.875.400.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư điện Mặt Trời ^(iv)	6.000.000.000	1.350.000.000
Cộng	<u>14.795.400.000</u>	<u>13.720.000.000</u>

(i) Là các khoản cho Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông (là công ty con) vay với lãi suất 7,6%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.

(ii) Là các khoản cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Gle (là công ty con) vay với lãi suất 6%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.

(iii) Là các khoản cho Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long (là công ty con) vay với lãi suất 6,35%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (iv) Là các khoản cho Công ty Cổ phần Điện Mặt trời (là công ty con) vay với lãi suất 6,35%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	3.001.176.724		1.898.738.592	
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	2.221.176.724		1.698.738.592	
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời	780.000.000		200.000.000	
Tổng công ty Sông Đà				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	27.453.481.078		21.681.977.656	
Tạm ứng	17.596.802.567		12.818.817.120	
Phải thu của CBCNV	653.372.358		620.389.811	
Phải thu các đội công trình	1.121.782.027		880.283.963	
Tiền cổ tức phải thu	-		-	
Phải thu tiền đền bù GPMB chi hộ chủ đầu tư	6.873.384.804		2.866.055.492	
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	219.850.424		219.850.424	
Ký cược, ký quỹ	292.888.529		2.427.282.745	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	695.400.369		1.849.298.101	
Cộng	30.454.657.802		23.580.716.248	

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		16.133.651.691	7.473.251.079	16.133.651.691	10.462.551.511
Tổng		16.133.651.691	7.473.251.079	16.133.651.691	10.462.551.511
Công ty Sông Đà	<i>Dưới 1 năm</i>			14.946.502.158	10.462.551.511
	<i>Từ 2 - 3 năm</i>	14.946.502.158	7.473.251.079		
	<i>Trên 3 năm</i>	1.187.149.533		1.187.149.533	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		13.352.497.832	5.659.241.430	13.352.497.832	7.588.224.904
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	Dưới 1 năm và từ 2 - 3 năm	9.622.165.225	4.811.082.613	9.622.165.225	4.110.445.824
BQL DA phát triển điện lực	Dưới 1 năm và từ 1- 2 năm	1.211.655.453	848.158.817	3.436.963.736	1.988.476.085
Các tổ chức và cá nhân khác		293.368.871	0	293.368.871	40.815.344
Cộng		27.260.841.240	13.132.492.509	29.486.149.523	18.050.776.415

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(11.435.373.108)	(31.550.267.520)
Trích lập dự phòng bổ sung	(4.141.463.275)	(7.403.668.625)
Hoàn nhập dự phòng	1.448.487.651	9.137.560.843
Giảm do xóa nợ		18.381.002.194
Số cuối năm	(14.128.348.732)	(11.435.373.108)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	28.420.908.029		8.093.108.118	
Công cụ, dụng cụ	853.064.807		1.132.678.071	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	73.402.004.059		44.409.283.450	
Cộng	102.675.976.895		53.635.069.639	

9. Chi phí trả trước ngắn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí Công cụ dụng cụ, sửa chữa trụ sở làm việc còn phải phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà làm việc	622.295.000	175.444.394
Tiền khoan phun hầm dẫn	70.712.161	282.848.623
Công cụ dụng cụ	416.678.357	355.050.367
Cộng	<u>1.109.685.518</u>	<u>813.343.384</u>

10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	86.666.042.683	79.363.174.497	18.583.575.352	964.171.382	185.576.963.914
Mua trong năm					
Phân loại lại				47.800.000	47.800.000
Thanh lý, nhượng bán			(448.105.335)		(448.105.335)
Số cuối năm	<u>86.666.042.683</u>	<u>79.363.174.497</u>	<u>18.135.470.017</u>	<u>1.011.971.382</u>	<u>185.176.658.579</u>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Chờ thanh lý	584.414.189	17.602.649.744	14.668.408.589	548.420.909	33.403.893.431
--------------	-------------	----------------	----------------	-------------	----------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	34.492.215.666	49.384.978.523	17.683.535.651	678.006.251	102.238.736.091
Khấu hao trong năm	1.939.906.203	2.840.662.648	257.992.062	67.319.741	5.105.880.654
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(448.105.335)		(448.105.335)
Số cuối năm	<u>36.432.121.869</u>	<u>52.225.641.171</u>	<u>17.493.422.378</u>	<u>745.325.992</u>	<u>106.896.511.410</u>

Giá trị còn lại

Số đầu năm	<u>52.173.827.017</u>	<u>29.978.195.974</u>	<u>900.039.701</u>	<u>286.165.131</u>	<u>83.338.227.823</u>
Số cuối năm	<u>50.233.920.814</u>	<u>27.137.533.326</u>	<u>642.047.639</u>	<u>266.645.390</u>	<u>78.280.147.169</u>

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

11. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất không thời hạn.

12. Phải trả người bán

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	46.176.567.948	20.695.446.113
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	45.387.341.641	20.460.380.080
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ	741.894.988	235.066.033
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Gle	47.331.319	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	67.406.490.055	38.785.578.962
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	2.581.017.120	2.581.017.120
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	391.907.412	391.907.412
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khánh Hưng	199.026.619	910.299.347
Công ty Cổ phần Thành Long	3.264.445.183	4.633.508.030
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	3.461.606.897	3.116.794.742
Các nhà cung cấp khác	57.707.513.443	27.152.052.311
Cộng	113.583.058.003	59.481.025.075

12b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	7.985.356.815	7.985.356.815
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn & Cơ khí Bình Dương	607.934.880	607.934.880
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	1.955.853.524	1.955.853.524
Công ty Cổ phần Thành Long	1.958.667.410	1.958.667.410
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hanaka	1.444.875.265	1.444.875.265
Công ty TNHH Cấp điện lực Kevil Việt Nam	1.444.875.265	1.444.875.247
Các nhà cung cấp khác	573.150.471	573.150.488
Cộng	7.985.356.815	7.985.356.815

12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	16.616.111.395	59.627.483.512
Tổng Công ty Sông Đà	10.045.202.214	18.309.740.370
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long		
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Gle	6.570.909.181	41.317.743.142
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	68.023.372.593	42.828.904.841
BQL Dự án các công trình điện Miền Nam	29.069.950.859	22.290.215.263
BQL Dự án các công trình điện Miền Bắc	1.311.310.966	1.311.310.966
BQL Dự án các công trình điện Miền Trung		17.000.000.000
BQL Dự án lưới điện Miền Trung	5.472.566.089	
Công ty CP cấp n ước Hải Phòng	6.860.059.000	
Công ty TNHH cảng coongteno QT hải phòng	23.082.107.067	
Các khách hàng khác	2.227.378.612	2.227.378.612

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Cộng					<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
					<u>84.639.483.988</u>	<u>102.456.388.353</u>
14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước						
	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số cuối năm</u>			
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.596.101.935		5.136.981.062	(9.914.322.196)	2.818.760.801	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu				-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.675.387.803		1.632.512.029	(11.780.539.165)	527.360.667	
Thuế thu nhập cá nhân	100.096.422	37.146.232	617.376.341	(600.029.595)	117.443.168	35.950.682
Thuế tài nguyên	330.585.408		1.525.719.935	(1.427.625.030)	428.680.313	
Thuế bảo vệ môi trường	67.204.560		403.229.160	(333.277.096)	137.156.624	
Các loại thuế khác						
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.991.292.624		1.141.246.856	(2.104.883.206)	1.027.656.274	
Cộng	<u>20.760.668.752</u>	<u>37.146.232</u>	<u>10.457.065.383</u>	<u>(26.160.676.288)</u>	<u>5.057.057.847</u>	<u>35.950.682</u>

(*) Phân loại lại khoản tạm tính thuế thu nhập cá nhân phát sinh tại Lào

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm, vật tư 10%
- Hoạt động cung cấp nước sạch 5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Tráng). Công ty áp dụng ưu đãi thuế theo điểm 6, điều 36 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp: Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư và thực hiện tại địa bàn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Thác Tráng trong 04 năm kể từ năm 2012 đến năm 2015 và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2023)

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này (Năm trước)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.253.227.546	5.446.586.552
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(10.750.554.723)	57.866.925
- Các khoản điều chỉnh tăng	64.625.277	407.866.925
- Các khoản điều chỉnh giảm	(10.815.180.000)	(350.000.000)
Thu nhập chịu thuế	14.502.672.823	5.318.720.751
Thu nhập được miễn thuế		(513.633.200)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	14.502.672.823	4.990.820.277
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.900.534.565	998.164.055
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(1.268.022.536)	(499.082.028)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		456.778.171
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.632.512.029	955.860.198

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp của từng hoạt động trong năm nay như sau:

	Các hoạt động khác	Nhà máy thủy điện Thác Trắng	Tổng cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.573.002.188	12.680.225.358	25.253.227.546
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(10.750.554.723)	- -	(10.750.554.723)
- Các khoản điều chỉnh tăng	64.625.277	-	64.625.277
<i>Tiền phạt thuế, BHXH</i>	16.625.277		16.625.277
<i>Thù lao HĐQT không điều hành</i>	48.000.000		48.000.000
<i>Xử lý vật tư mất</i>	-		-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(10.815.180.000)	-	(10.815.180.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Các hoạt động khác	Nhà máy thủy điện Thác Trắng	Tổng cộng
<i>Cổ tức được nhận</i>	<i>(10.815.180.000)</i>		<i>(10.815.180.000)</i>
Thu nhập chịu thuế	1.822.447.465	12.680.225.358	14.502.672.823
Thu nhập được miễn thuế			
Thu nhập tính thuế	1.822.447.465	12.680.225.358	14.502.672.823
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>364.489.493</i>	<i>2.536.045.072</i>	<i>2.900.534.565</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i>		<i>(1.268.022.536)</i>	<i>(1.268.022.536)</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>			
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>364.489.493</u>	<u>1.268.022.536</u>	<u>1.632.512.029</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 10% giá tính thuế đơn vị tài nguyên (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ; cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 5% giá tính thuế đơn vị tài nguyên (x) sản lượng điện tiêu thụ trong kỳ. Giá tính thuế đơn vị tài nguyên nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) ban hành cho từng thời kỳ.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>11.217.634.314</i>	<i>10.949.675.682</i>
Trích trước chi phí các công trình	10.199.910.647	10.137.744.878
Chi phí lãi vay phải trả	1.017.723.667	811.930.804
Cộng	<u>11.217.634.314</u>	<u>10.949.675.682</u>

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	686.612.395	389.871.623
Kinh phí công đoàn	438.005.015	402.680.645

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	13.378.607.623	598.594.423
Tiền ủy thác góp vốn của CBNV	425.000.000	425.000.000
Phải trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng		
Phải trả các đội tiền khoán công trình	5.739.314.405	28.095.422.794
BQL DA các công trình điện Miền Trung (Công trình đường dây 500 KV Mỹ Phước Cầu Bông)	1.363.371.065	
Công ty Cổ phần Lắp máy và XD điện (IEC) (Công trình đường dây 500 KV Bắc Ninh 2 Phố nổi)		
BQL DA các công trình điện Miền Bắc	4.307.384.716	14.137.418.337
Tổng công ty Phát triển Đường cao tốc Việt Nam (Công trình đường dây 500KV Đà Nẵng - Quảng Ngãi)	-	
Phải trả khác	5.308.031.111	5.040.359.203
Cộng	31.646.326.330	49.089.347.025
16b. Phải trả dài hạn khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	500.000.000	500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược		
Cộng	500.000.000	500.000.000
16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán		
Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.		
17. Vay		
17a. Vay ngắn hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>11.478.906.943</i>	<i>20.178.906.943</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa ⁽ⁱ⁾	11.478.906.943	20.178.906.943
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>196.035.720.405</i>	<i>92.439.855.430</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	38.367.932.300	3.965.167.846
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	53.679.747.741	49.607.699.898
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	99.848.580.211	38.866.987.686
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)</i>	<i>4.139.460.153</i>	<i>5.740.000.000</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	1.539.460.153	2.280.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà		1.320.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	1.400.000.000	940.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ</i>	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	<u>207.514.627.348</u>	<u>118.358.762.373</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Vay Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 5,3%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.
- (ii) Các khoản vay Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	92.439.855.430	153.029.272.566		(53.572.867.744)	191.896.260.252
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	20.178.906.943	6.800.000.000		(15.500.000.000)	11.478.906.943
Vay dài hạn đến hạn trả	5.740.000.000		1.699.460.153	(3.300.000.000)	4.139.460.153
Cộng	<u>118.358.762.373</u>	<u>159.829.272.566</u>	<u>1.699.460.153</u>	<u>(72.372.867.744)</u>	<u>207.514.627.348</u>

17b. Vay dài hạn

Là các khoản vay dài hạn ngân hàng.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱ⁾	383.421.934	782.882.087
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Bắc Hà ⁽ⁱⁱ⁾		1.279.862.697
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	45.520.000.000	46.220.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ ^(iv)	7.800.000.000	8.400.000.000
Cộng	<u>53.703.421.934</u>	<u>56.682.744.784</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn số 01/2014/HĐTD ngày 14/5/2014, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp và

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

hợp đồng tín dụng số 02/2015/177782/HĐTD ngày 08/06/2015, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp năm 2015.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2012/HĐTD, vay để thực hiện dự án đầu tư mua sàn tầng 7- Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng Tín dụng theo dự án đầu tư số 36/16/NHNT ngày 28 tháng 12 năm 2016 với lãi suất cố định 7,6%/năm áp dụng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để hoàn vốn một phần chi phí đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Thác Trắng (6MW). Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp Công trình Nhà máy Thủy điện Thác Trắng, kể cả nhưng không bị giới hạn bởi đập, cửa lấy nước, hầm dẫn nước, tháp điều áp, nhà máy, kênh xả, khu nhà quản lý vận hành, trạm biến áp, trạm cắt và đường dây 35Kv, đường giao thông và các công cụ, máy móc, thiết bị gắn liền với Nhà máy thuộc sở hữu của Công ty cổ phần Sông Đà 11, theo Hợp đồng thế chấp Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 36/16/NHNT ngày 28 tháng 12 năm 2016.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ theo Hợp đồng Tín dụng số 1400LAV201701034/HĐTD ngày 24 tháng 7 năm 2017 với lãi suất thả nổi có điều chỉnh được trả vào ngày 20 hàng tháng. Thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để bù đắp một phần chi phí đã bỏ ra để mua trụ sở làm việc tại vị trí BT03 vị trí 24 khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 20 tháng 02 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất tại địa chỉ BT03 - VT24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, theo Hợp đồng thế chấp ngày 10 tháng 8 năm 2017.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	4.522.882.087	5.740.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm		27.477.744.784
Trên 5 năm	53.320.000.000	29.205.000.000
Cộng	57.842.882.087	62.422.744.784

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	56.682.744.784	5.662.744.784
Số tiền vay phát sinh		57.000.000.000
Số tiền vay đã trả	(1.279.862.697)	(240.000.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(1.699.460.153)	(5.740.000.000)
Số cuối năm	53.703.421.934	56.682.744.784

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Dự phòng phải trả

18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	1.047.970.920
------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng do kết chuyển	128.575.506
Số hoàn nhập	
Số cuối năm	1.176.546.426

18b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	2.530.962.691
Tăng do trích lập	302.915.217
Số hoàn nhập	(307.894.299)
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(128.575.506)
Số cuối năm	2.397.408.103

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.011.923.598	601.851.000	(154.200.000)	1.459.574.598
Quỹ phúc lợi	664.010.618	601.851.000	(303.700.000)	962.161.618
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	500.000.000		500.000.000
Cộng	1.675.934.216	1.703.702.000	(457.900.000)	2.921.736.216

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	115.531.050.000	34.366.527.623	67.247.066.956	40.019.543.062	317.570.105.664
Lợi nhuận trong năm trước				4.490.726.354	4.490.726.354
Trích lập các quỹ			26.934.985.100	(28.466.438.062)	(1.531.452.962)
Chia cổ tức năm trước				(11.553.105.000)	(11.553.105.000)
Số dư cuối năm trước	115.531.050.000	34.366.527.623	154.587.970.079	4.490.726.354	308.976.274.056
Số dư đầu năm nay	115.531.050.000	34.366.527.623	154.587.970.079	60.185.109.585	364.670.657.287
Lợi nhuận trong năm			-	23.620.715.517	23.620.715.517
Trích lập các quỹ			31.909.266.085	(33.612.968.085)	(1.703.702.000)
Chia cổ tức			-	(26.572.141.500)	(26.572.141.500)
Số dư cuối năm nay	115.531.050.000	34.366.527.623	127.652.984.979	23.620.715.517	360.015.529.304

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà)	31.030.000.000	31.030.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	84.501.050.000	84.501.050.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần	<u>34.366.527.623</u>	<u>34.366.527.623</u>
Cộng	<u>149.897.577.623</u>	<u>149.897.577.623</u>
20c. Cổ phiếu		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

20d. Phân phối lợi nhuận

		VND
• Chia cổ tức	:	26.572.141.500
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	31.909.266.085
• Trích quỹ khen thưởng	:	601.851.000
• Trích quỹ phúc lợi	:	601.851.000
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành công ty	:	500.000.000

Theo Nghị quyết số 01/NQ- ĐH ĐCD ngày 26 tháng 04 năm 2018, Công ty trả cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 23%

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 82,16 USD (số đầu năm là 88,76 USD).

21b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí Thiết bị Điện Hà Nội	12.156.428.764	12.156.428.764	Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Linh Linh	1.261.738.423	1.261.738.423	Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.326.185.000	1.326.185.000	Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	<u>4.964.566.437</u>	<u>4.964.566.437</u>	Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Cộng	<u>19.708.918.624</u>	<u>19.708.918.624</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện thương phẩm	18.095.723.186	16.621.332.3153
Doanh thu hợp đồng xây dựng	188.129.525.731	149.747.940.033
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	28.349.771.769	12.374.370.421
Cộng	<u>234.575.020.686</u>	<u>178.743.642.607</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm trước</u>
<i>Tổng Công ty Sông Đà</i>		
Doanh thu xây lắp thực hiện		

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm trước</u>
Giá vốn bán điện thương phẩm	4.739.291.867	3.958.484.610
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	170.220.801.344	152.328.938.279
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	26.648.390.781	18.770.549.574
Cộng	<u>201.608.483.992</u>	<u>175.057.972.463</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.507.044.019	2.732.097.902
Lãi tiền cho vay	437.626.433	1.314.543.004
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.815.180.000	286.363.200
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh		1.736.675
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn		1.473.806.135
Phí ủy thác đầu tư		
Phí bảo lãnh	146.890.514	116.693.642
Cộng	<u>12.906.740.966</u>	<u>5.925.240.558</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	6.139.128.817	6.009.860.909

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm trước</u>
Phí bảo lãnh	381.791.361	1.170.043.361
Phí cam kết tín dụng	19.295.000	
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(107.820.000)	944.617.160
Chi phí tài chính khác	579.228.017	21.395.280
Cộng	<u>7.011.623.195</u>	<u>8.145.916.710</u>
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	10.410.142.002	12.018.128.122
Chi phí vật liệu quản lý	925.241.735	863.305.568
Chi phí đồ dùng văn phòng	481.399.011	260.312.780
Chi phí khấu hao tài sản cố định	975.495.190	962.022.806
Thuế, phí và lệ phí	257.740.354	167.780.954
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	2.692.975.624	(9.682.064.255)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.528.234.863	1.514.177.413
Các chi phí khác	3.359.398.710	5.229.993.959
Cộng	<u>20.630.627.489</u>	<u>11.333.657.347</u>
6. Thu nhập khác		
	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	227.272.727	637.272.728
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	307.894.299	43.489.412.725
Thu nhập khác	6.504.918.219	1.677.362
Cộng	<u>7.040.085.245</u>	<u>44.128.362.815</u>
7. Chi phí khác		
	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm trước</u>
Tiền phạt chậm nộp BHXH, phạt thuế	16.625.277	311.598.190
Giá trị công trình bị cắt giảm khi quyết toán	-	28.453.175.842
Xử lý vật tư bị mất	-	48.268.735
Chi phí khác	1.259.398	70.141
Cộng	<u>17.884.675</u>	<u>28.813.112.908</u>
8. Lãi trên cổ phiếu		
Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.		

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	871.521.136	1.011.813.182
Thù lao	48.000.000	
Cộng	<u>919.521.136</u>	<u>1.011.813.182</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Sông Đà	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy Điện Đắk Glei	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời	Công ty con
Các công ty con của Tổng công ty Sông Đà	Công ty con của Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm trước</u>
Tổng công ty Sông Đà		

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ		
Tiền lãi vay phải trả		
Tiền thuê tài sản trên đất		
Mua tài sản của Tổng công ty Sông Đà		1.604.545.455

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.12 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực khác: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình, kinh doanh bán đá và cung cấp các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Lũy kế đến 30/06 Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	188.129.525.731	46.445.494.955	234.575.020.686
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	188.129.525.731	46.445.494.955	234.575.020.686
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	17.908.724.387	15.057.812.307	32.966.536.694
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(20.630.627.489)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			12.335.909.205
Doanh thu hoạt động tài chính			12.906.740.966
Chi phí tài chính			(7.011.623.195)
Thu nhập khác			7.040.085.245
Chi phí khác			(17.884.675)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.632.512.029)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			23.620.715.517
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	38.335.673	9.464.327	47.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.094.924.102	1.010.956.552	5.105.880.654
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	2.316.237.236	571.833.605	2.888.070.841
Lũy kế đến 30/06 Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	149.747.940.033	28.995.702.574	178.743.642.607
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	149.747.940.033	28.995.702.574	178.743.642.607
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(2.580.998.246)	6.266.668.390	3.685.670.144
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(11.333.657.347)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(7.647.987.203)
Doanh thu hoạt động tài chính			5.925.240.558
Chi phí tài chính			(8.145.916.710)
Thu nhập khác			44.128.362.815
Chi phí khác			(28.813.112.908)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(955.860.198)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			4.490.726.354
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.268.094.410	439.171.256	2.707.265.666
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.378.728.268	847.853.416	5.226.581.684
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)			
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	451.187.710.370	46.478.629.307	497.666.339.677
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			393.573.552.561
Tổng tài sản			891.239.892.238
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	218.341.473.018	34.804.340.961	253.145.813.979

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			278.078.548.955
Tổng nợ phải trả			531.224.362.934
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	341.667.390.178	48.068.317.273	389.735.707.451
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			417.079.232.346
Tổng tài sản			806.814.939.797
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	235.419.730.394	339.430.383	235.759.160.777
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			206.385.121.733
Tổng nợ phải trả			442.144.282.510

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm trước</u>
Khu vực trong nước	234.575.020.686	178.743.642.607
Khu vực nước ngoài	-	
Cộng	234.575.020.686	178.743.642.607

3. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Lê Văn Tuấn